

Bản án số: 304/2025/HS-ST

Ngày: 12-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Thẩm phán: Ông Trần Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thi Thị Tuyết Nhung

Ông Trần Văn Triều

Bà Trương Thị Ngọc Ý

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2773/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1) Bùi Văn P; Sinh ngày 27/6/1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 297/28/16 Phan Huy Ích, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn P1 và bà Trần Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: 1) Tại Bản án số 141/2016/HSST ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/7/2017); 2) Tại Quyết định số 163/QĐ-TA ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh (Chấp hành xong quyết định ngày 07/8/2020).

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/8/2023–Có mặt.

2) Huỳnh Ngọc L; Sinh ngày 12/8/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Thường trú: 79/83/20E Bùi Quang Là, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Tuấn N (đã chết) và bà Lê Thị Thu T1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/8/2023—Có mặt.

3) Trần Phát Đ; Sinh ngày 02/10/1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 297/3 Phan Huy Ích, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M và bà Trần Thị M1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 84/2012/HSST ngày 26/4/2012 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích" (Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 26/12/2015 và đã đóng án phí hình sự sơ thẩm).

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/8/2023—Có mặt.

4) Nguyễn Trung H; Sinh ngày 30/8/2000 tại Thành phố C; Thường trú: ấp Thới Hưng, xã T, huyện C, Thành phố C; Chỗ ở: 160/76 Phan Huy Ích, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đắc P2 và bà Mai Bích H1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/8/2023—Có mặt.

Người bào chữa:

1) ông Hồ Hoài N1 là luật sư của Công ty luật TNHH MTV Trường Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Bùi Văn P—Có mặt.

2) ông Vũ Quốc T2 là luật sư của Công ty luật TNHH MTV Thiên Quý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Phát Đ—Có mặt.

3) bà Nguyễn Thị Thanh T3 và bà Lê Thị K là luật sư của Công ty luật TNHH MTV Việt Đông Á thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung H—Có mặt.

4) ông Bùi Quang C và ông Nguyễn Hồng K1 là luật sư của Văn phòng Luật sư Quang Cảnh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc L—Luật sư C có mặt, luật sư K1 vắng mặt.

Bị hại:

1) ông Trần Hoài P3; sinh năm 2001; Trú tại: 270/17 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 119/22 Bùi Quang Là, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh—Có mặt.

2) ông Nguyễn Phương H2; sinh năm 2001; Trú tại: 745/152 Quang Trung,

Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 221 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh) –Có mặt.

3) ông Nguyễn Phương N2, sinh năm 1975 và bà Phan Thị L1, sinh năm 1978; Cùng trú tại: 745/152 Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 221 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh –Có mặt.

Người làm chứng:

1) ông Võ Minh C; sinh năm 2001; Trú tại: 160/88 Phan Huy Ích, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2) bà Nguyễn Hạ Băng K2, sinh năm 2002; Trú tại: 362/25/30A Phan Huy Ích, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019, Bùi Văn P4 điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường Quang Trung, quận G thì thấy anh Nguyễn Phương H2 điều khiển xe mô tô phía trước nẹt pô nên P4 đuổi theo đến nhà số 745/152 Quang Trung, Phường 12, quận G thì thấy anh H2 điều khiển xe đến nhà, hai bên có cãi, chửi qua lại rồi Phú bỏ về. Đến ngày 07/5/2023, P4 cùng một số bạn ăn uống tại quán lẩu dê gần nhà của anh H2 và nhìn thấy anh H2 cũng đang ở nhà thì P4 nhớ chuyện trước đây nên cầm ly bia sang nhà anh H2 gây sự thì bị anh H2 cầm cây ra đánh nên P4 bỏ về và kể lại sự việc trên cho anh ruột Bùi Văn P biết.

Khoảng 17 giờ ngày 23/5/2023, Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L, Trần Phát Đ, Nguyễn Trung H ăn uống tại quán Bờ Hồ, Phường 15, quận T thì P kể lại việc trên và rủ cả nhóm đi đánh anh H2, tất cả đều đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở P, L và Trung H mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đi về nhà mẹ Long tại số 1/185A đường Nguyễn Văn Quá, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cất xe. Tại đây, L lấy ra 02 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, lưỡi dài khoảng 50 cm dùng chặt dừa mang theo làm hung khí, sau đó P và L mỗi người giấu 01 con trong người.

Khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô Wave biển số 54V1-2856 chở P, Trung H điều khiển xe mô tô Vario biển số 59L2-591.01 chở L đến nhà anh Hiếu tại số 745/152 Quang Trung, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nơi, Trung H và Đ quay đầu, dừng xe đứng ngoài cách nhà anh H2 khoảng 10 mét, P và L mỗi người cầm 01 con dao chạy vào trong nhà anh H2.

Lúc này trong nhà anh H2 có 05 người đang ngồi ăn uống dưới nền nhà, anh H2 và anh Trần Hoài P3 ngồi quay mặt vào trong nhà nên không nhìn thấy L và P cầm hung khí đi vào. Khi vào trước nhà, L và P thấy anh H2 và anh P3

cùng khoảng 03 người khác đang ngồi ăn uống dưới nền nhà. Thấy P và Long cầm hung khí đi vào nên một số người đứng dậy bỏ chạy vào trong nhà, riêng anh H2 và anh P3 không nhìn thấy nên vẫn ngồi tại chỗ, P và L dùng dao chém từ trên xuống liên tục nhiều nhất vào tay, chân và vùng đầu của anh P3 và anh H2 gây thương tích. Khi anh H2 và anh P3 bỏ chạy vào trong nhà vệ sinh thì L và P tiếp tục dùng dao đập phá tủ kính, cửa nhôm trong nhà, rồi lên xe do Đ và Trung H chờ sẵn tẩu thoát. Anh Nguyễn Phương H2 và Trần Hoài P3 được anh Võ Minh C và người thân đưa vào cấp cứu tại Bệnh viện.

Sau khi xảy ra sự việc, chị Nguyễn Thị Phương T4 là chị ruột anh Nguyễn Phương H2 đến Công an Phường 12, quận G trình báo. Qua điều tra, truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã đưa Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L, Trần Phát Đ, Nguyễn Trung H về làm việc, thu giữ vật chứng.

Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 510/KLTTCT-TTPY.2023 ngày 26/7/2023 và Bản Kết luận giám định vật gây thương tích số 15/KLVGTT-TTPY.2024 ngày 18/3/2024 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận thương tích đối với anh Trần Hoài P3:

“Vết thương thái dương phải gây đứt da, vỡ sọ, rách màng cứng, tụ máu lớp mỏng, dập não xuất huyết vùng thái dương phải có tỷ lệ 52%; vết thương vùng đỉnh phải gây đứt da, vỡ sọ đỉnh phải có tỷ lệ 09%; vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái gây đứt da, mẻ xương trụ có tỷ lệ 03%; vết thương mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái gây đứt da, mẻ xương trụ có tỷ lệ 02%; vết thương bờ trụ cổ tay trái gây đứt da, gãy xương đầu có tỷ lệ 07%; vết thương mặt sau trong 1/3 giữa cẳng tay phải gây đứt da, gãy xương trụ có tỷ lệ 08%; vết thương vùng giữa sau cổ tay phải gây đứt da, mẻ xương quay có tỷ lệ 03%; vết thương mu bàn tay phải gây đứt da, gãy xương bàn II có tỷ lệ 08%; đa vết thương phần mềm vùng trước nách trái có tỷ lệ 01%; vùng mạn sườn trái có tỷ lệ 03%; vùng hông trái có tỷ lệ 01%; vùng bả vai trái có tỷ lệ 03%; mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay trái có tỷ lệ 03%; mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay trái có tỷ lệ 02%; mặt ngoài khuỷu tay trái có tỷ lệ 02% và 01%; vùng ngực phải có tỷ lệ 02%; vùng lưng phải có tỷ lệ 02%; mặt ngoài 1/3 trên cánh tay phải có tỷ lệ 02%; mặt ngoài 1/3 trên cẳng tay phải có tỷ lệ 01%; mặt sau 1/3 trên cẳng tay phải 01%; mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải có tỷ lệ 02%; vùng ngoài mặt sau cổ tay trái có tỷ lệ 02%; vùng ngoài mặt sau cổ tay phải có tỷ lệ 02%; vùng trong mặt sau cổ tay trái có tỷ lệ 02%; ngón I bàn tay phải có tỷ lệ 01%; mặt mu ngón IV bàn tay phải có tỷ lệ 01%. Các vết trên do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Hoài Phúc tại thời điểm giám định là 77%. Hai con dao có thể gây ra được tất cả các thương tích của Trần Hoài Phúc, vết thương thái dương phải gây nguy hiểm đến tính mạng, các vết thương còn lại thì không” (bút lục số 72 đến bút lục số 82).

Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 500/KLTTCT-TTPY.2023 ngày 25/7/2023 và Bản Kết luận giám định vật gây thương tích số 14/KLVGTT-

TTPY.2024 ngày 18/3/2024 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận thương tích đối với anh Nguyễn Phương H2:

“Đa vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn các sẹo tại: vùng đuôi mày phải kích thước 3,2x0,15 cm có tỷ lệ 03%, vùng trán trái trong tóc kích thước 3,3x0,1 cm có tỷ lệ 01%, hai thương tích trên do vật tày, vật tày có cạnh, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra; vùng ngực có kích thước 9x0,3 cm có tỷ lệ 2%; vùng vai phải có kích thước 3,2x(0,3-0,7)cm có tỷ lệ 02%, thương tích trên do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra; vùng đốt 1 ngón II bàn tay trái kích thước 2,1x0,1cm và 2x0,05cm có tỷ lệ 01% mỗi vết. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra; vết thương mặt gan bàn tay trái gây đứt da, đứt gân gấp nông sâu ngón V đã được điều trị khâu nối gân, hiện còn: một sẹo kích thước 8,8x (0,1-0,2) cm có tỷ lệ 06%. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Phương Hiếu tại thời điểm giám định là 15%”. Hai con dao có thể gây ra được tất cả các thương tích của Nguyễn Phương Hiếu, các thương tích trong kết luận không gây nguy hiểm đến tính mạng” (bút lục số 67 đến bút lục số 70).

Bản Kết luận định giá tài sản số 125/KL-HĐDGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận G kết luận: 02 tấm kính có kích thước 0.3m x 2.1m, bề dày 8mm, kính cường lực trong suốt, tình trạng đã bị bể hoàn toàn trị giá 1.281.000 đồng; 01 tấm kính có kích thước 0.5m x 2.17m, bề dày 8mm, kính cường lực trong suốt, tình trạng đã bị bể hoàn toàn trị giá 1.103.083 đồng; 01 cửa nhôm (Tiến Đạt) kích thước cao 3m, ngang 0.9m, bên trong có gắn 01 tấm kính có kích thước 0.85m x 2m, bề dày 8mm, kính cường lực trong suốt, tình trạng đã bị hư hỏng toàn bộ trị giá 2.745.000 đồng. Tổng cộng giá trị của số tài sản nêu trên là: 5.129.083 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 98/CT-VKS-P2 ngày 06 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L về tội: “Giết người” và tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Trung H, Trần Phát Đ về tội: “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L, Nguyễn Trung H và Trần Phát Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Bị hại ông Trần Hoài P trình bày: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại 100.000.000 đồng từ gia đình của 04 bị cáo nên không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại ông Nguyễn Phương H2 yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Phương N2, Phan Thị L đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo P, L về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 5.129.083 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên nội dung truy tố các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L về tội: “Giết người” và tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; các bị cáo Nguyễn Trung H, Trần Phát Đ về tội: “Giết người” như Bản cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57 và Điều 58; Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P: từ 15 đến 17 năm tù về tội “Giết người”; từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội danh là từ 16 năm đến 18 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57 và Điều 58; Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc L: từ 14 năm đến 16 năm tù về tội “Giết người”; từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội danh là từ 15 năm đến 17 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 12 năm đến 14 năm tù về tội “Giết người”.

Xử phạt bị cáo Trần Phát Đ từ 13 năm đến 15 năm tù về tội “Giết người”.

Về dân sự đề nghị buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng, án phí và các vấn đề khác của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư Hồ Hoài N bào chữa cho bị cáo Bùi Văn P trình bày: Luật sư đồng ý về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo P. Luật sư chỉ trình bày các tình tiết về nguyên nhân dẫn đến vụ án, các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo P. Cụ thể: Luật sư nêu quan điểm nguyên nhân dẫn đến vụ án

xuất phát từ mâu thuẫn giữa em bị cáo P với bị hại Phương H2, bị cáo vì bức tức việc em mình bị đánh cùng tính hiếu thắng khi tuổi đời còn non trẻ nên mới mang theo hung khí đến nhà bị hại để giải quyết mâu thuẫn. Thời điểm các bị cáo P và L vào nhà Phương H2 vào buổi tối, chém nhiều nhát vào người các bị hại mà không nhằm vào vị trí nào cụ thể, thực tế các bị cáo cũng không xác định được thương tích trên người các bị hại là do P hay L gây ra. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác, đã vận động gia đình mình cùng với gia đình các bị cáo khác bồi thường số tiền 100 triệu đồng cho bị hại P3 và được bị hại P3 đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo chủ động thỏa thuận bồi thường số tiền 50 triệu đồng như yêu cầu của bị hại Phương H2. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo P mức án khoan hồng, nhẹ hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo Bùi Văn P đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Bùi Quang C bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc L thống nhất trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo L. Luật sư chỉ trình bày các tình tiết để làm rõ hơn sự thật khách quan, nguyên nhân, động cơ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Về tội danh, việc cơ quan tố tụng căn cứ án lệ 45 để định tội “Giết người” là có căn cứ. Tuy nhiên, luật sư đề nghị xem xét bị cáo không có động cơ, mục đích giết người, thương tích gây ra đối với 02 bị hại không phân định được do bị cáo nào gây ra, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hơn khi lượng hình cho các bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, đã vận động gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại P và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt tại phiên tòa. Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thiếu sự giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội nên phạm tội mang tính xúc nổi, bùng bột khi bị bạn bè rủ rê. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ nguyên tắc nghiêm trị và khoan hồng trong xử lý người phạm tội đối với bị cáo L theo quy định tại Điều 15, Điều 57; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Án lệ số 45 về phạm tội chưa đạt, tuyên phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với cả 02 tội danh.

Bị cáo Huỳnh Ngọc L đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và không trình bày gì thêm.

Luật sư Vũ Quốc T2 bào chữa cho bị cáo Trần Phát Đ trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Trần Phát Đ. Luật sư chỉ nêu về các tình tiết giảm nhẹ, gồm: Bị cáo đã tác động gia đình bị cáo cùng các gia đình bị cáo khác bồi thường số tiền 100 triệu đồng cho bị hại P3 và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo tham gia với vai

trò đồng phạm giúp sức do bị rủ rê phạm tội; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Đ.

Bị cáo Trần Phát Đ đồng ý bài bào chữa của luật sư và không tham gia tranh luận.

Luật sư Lê Thị K bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung H trình bày: Luật sư đồng ý về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo H. Nhưng luật sư không đồng ý về điểm khoản truy tố đối với bị cáo. Bởi, ban đầu bị cáo Trung H chỉ được bàn bạc thống nhất với L, P về việc mang hung khí đi đánh Phương H2, không bàn bạc việc gây thương tích với P3 nên hành vi bóc lột của các bị cáo L, P dùng hung khí chém nhiều nhát, liên tiếp vào các bị hại là hành vi vượt quá của người thực hành. Từ đó, luật sư đề nghị xem xét xử phạt bị cáo H theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại và được bị hại P3 đề nghị giảm nhẹ hình phạt, gia đình có ông ngoại là người có công với nước, có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, mẹ đang điều trị bệnh ung thư, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giúp sức do bị rủ rê. Từ đó, luật sư đề nghị áp dụng điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2, khoản 3 Điều 54; Điều 17 và Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất đối với bị cáo Trung H.

Bị cáo Nguyễn Trung H đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm bào chữa của các luật sư:

Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo P, L, do trong vụ án này chỉ có 04 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không xuất hiện đồng phạm khác, các bị cáo khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội đã được đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên đề nghị của các luật sư bào chữa là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo L, Đạt, Trung H. Do trong vụ án có 02 bị hại nhưng các bị cáo L, Đ, Trung T mới chỉ bồi thường cho 01 bị hại, chưa bồi thường cho bị hại Nguyễn Phương H2 nên Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo L, Đ, Trung H.

Đối với đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo P, L, Đ: Viện kiểm sát xét thấy, trong vụ

án này, bị cáo P là người rủ rê, cầm đầu, trực tiếp dùng dao chém liên tiếp gây thương tích cho 02 bị hại, bị cáo L không mâu thuẫn nhưng vẫn đồng ý và tham gia chém 02 bị hại, hậu quả gây thương tích tỷ lệ 77% cho bị hại Phúc và tỷ lệ 15% cho bị hại Phương H2 nên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp. Các bị cáo khác không có đủ 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên không đủ cơ sở áp dụng như đề nghị của các luật sư đã trình bày.

Đối với bị cáo Nguyễn Trung H giữ vai trò đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm với hành vi và hậu quả tội phạm của người thực hành, ngoài việc chở các bị cáo đi lấy hung khí và đến hiện trường thì H còn là người chỉ điểm nhà của Phương H2 nên Viện kiểm sát giữ tội danh, điều khoản, điểm truy tố và mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo H.

Kết thúc phần tranh luận, các bên đều bảo lưu quan điểm đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về xã hội, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, hỏi cung các bị cáo, biên bản ghi lời khai bị hại, người làm chứng đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L, Trần Phát Đ, Nguyễn Trung H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm, biên bản đôi chất; Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể, bản kết luận giám định vật gây thương tích của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Xuất phát từ việc bức tức khi em ruột là Bùi Văn P4 bị Nguyễn Phương H2 đánh nên Bùi Văn P đã bàn bạc, thống nhất cùng Huỳnh Ngọc L, Trần Phát Đ, Nguyễn Trung H việc cả nhóm cùng đến nhà Nguyễn Phương H2

để đánh trả thù, vào tối ngày 23/5/2023. Theo đó, để chuẩn bị hung khí gây án, cả nhóm chở nhau về nhà mẹ Long tại số 1/185A Nguyễn Văn Quá, phường Đ, Quận 12, lấy 02 con dao bằng kim loại dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ, lưỡi dài khoảng 33cm để P, L giấu vào bên trong người. Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, Đạt điều khiển xe mô tô chở P, Trung H điều khiển xe mô tô chở L đến nhà Phương H2 tại số 745/152 Quang Trung, Phường 12, quận G. Tại đây, Đ và Trung H quay đầu xe, đứng cách nhà Phương H2 khoảng 10m, để Phong và Long mỗi người cầm 01 con dao chạy vào nhà Phương H2, rồi dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát theo chiều từ trên xuống vào vùng đầu, tay, chân của Nguyễn Hoài P3 và Nguyễn Phương H2 nhằm tước đoạt trái phép tính mạng của P3 và Phương H2. Sau đó, P và L tiếp tục dùng dao đập phá cửa nhôm, tủ kính của ông Nguyễn Phương N2, bà Phan Thị L (cha, mẹ của Phương H2) gây hư hỏng tài sản.

[2.2] Căn cứ bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 510/KLTTCT-TTPY.2023 ngày 26/7/2023 và bản kết luận giám định vật gây thương tích số 15/KLVGCT-TTPY.2024 ngày 18/3/2024 đối với Trần Hoài P3 xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Hoài P3 tại thời điểm giám định là 77%. Vết thương thái dương phải gây nguy hiểm đến tính mạng. Hai con dao do Cơ quan Điều tra gửi đến giám định gây ra được tất cả các thương tích của Trần Hoài P3.

[2.3] Căn cứ bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 500/KLTTCT-TTPY.2023 ngày 26/7/2023 và bản kết luận giám định vật gây thương tích số 14/KLVGCT-TTPY.2024 ngày 18/3/2024 đối với Nguyễn Phương H2 xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Phương H2 tại thời điểm giám định là 15%. Hai con dao do Cơ quan Điều tra gửi đến giám định gây ra được tất cả các thương tích của Nguyễn Phương H2.

[2.4] Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 125/KL-HĐ ĐGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận G xác định tổng trị giá tài sản bị hư hỏng do hành vi phạm tội của Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L gây ra là 5.129.083 đồng.

[2.5] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L đã có hành vi sử dụng dao, có lưỡi bằng kim loại dài 50cm là hung khí nguy hiểm chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng trọng yếu của cơ thể các bị hại Trần Hoài P3, Nguyễn Phương H2, nhằm tước đoạt tính mạng của các bị hại, sau đó đập phá gây hư hại tài sản. Việc các bị hại không chết mà chỉ bị thương tích tại vùng đầu, tay chân như thể hiện bản kết luận giám định là nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Do đó, với diễn biến hành vi khách quan nêu trên đã đủ cơ sở kết tội các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L phạm vào tội “Giết người” thuộc trường hợp “giết 02 người trở lên” và “có tính chất côn đồ” và phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.6] Đối với các bị cáo Nguyễn Trung H, Trần Phát Đ mặc dù không trực tiếp tham gia việc dùng dao chém bị hại P3, Phương H2 nhưng Trung H và Đ đã cùng P, L bàn bạc, thống nhất việc đến nhà Phương H2 để đánh trả thủ vào tối ngày 23/5/2023. Quá trình chuẩn bị phạm tội Trung H và Đ là người chở P, L đi lấy hung khí nên biết rõ việc P, L mang theo dao sắc nhọn để gây án. Tại thời điểm thực hiện tội phạm, Trung H và Đ đứng canh giới, chứng kiến việc P, L dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào người bị hại P3 và Phương H2, các bị cáo không có thái độ can ngăn mà để mặc cho hậu quả tội phạm xảy ra. Sau khi, P và L gây án thì Trung H và Đ là người chở P, L rời khỏi hiện trường nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với hành vi và hậu quả tội phạm mà các bị cáo P, L đã thực hiện. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết tội các bị cáo Nguyễn Trung H, Trần Phát Đ phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp “giết 02 người trở lên” và “có tính chất côn đồ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.7] Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Lập luận trên đây cũng là căn cứ bác bỏ quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung H về việc xem xét lại điểm, khoản truy tố, xét xử đối với các bị cáo và tình tiết định khung tăng nặng “giết 02 người trở lên” đối với bị cáo Trung H.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, không những gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại mà còn làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương và gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét, đánh giá đến tính chất, mức độ hậu quả, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ hậu quả của tội “Giết người”: Xét, mặc dù các bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tác động vào cùng trọng yếu của các bị hại P3 và Phương H2, với cường độ cao nhưng việc các bị hại bỏ chạy vào bên trong nhà và chỉ chịu hậu quả gây thương tích (77% đối với bị hại P3 và 15% đối với bị hại Phương H2) nên các bị cáo không thực hiện được tội phạm đến cùng và việc các bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Do đó, các bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng quy định tại Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với 04 bị cáo.

[5] Về vai trò đồng phạm của các bị cáo:

[5.1] Vai trò đồng phạm của tội “Giết người”: Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo cáo thể hiện sự thống nhất ý chí khi cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L là người thực hành, trực tiếp dùng dao chém các bị hại P3 và Phương H2 nên phải chịu trách nhiệm chính với hậu quả của tội phạm. Các bị cáo Trần Phát Đ, Nguyễn Trung H là người chở P, L đi lấy hung khí, đến hiện trường gây án và tẩu thoát nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho P, L khi cùng thực hiện tội phạm.

[5.2] Vai trò đồng phạm của tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”: Xét, các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L là người thực hành, cùng cố ý thực hiện tội phạm nên có vai trò và trách nhiệm như nhau với thiệt hại về tài sản trị giá 5.129.083 đồng. Đối với các bị cáo Trần Phát Đ, Nguyễn Trung H do bị cáo P chỉ rủ đi đánh bị hại Phương H2 chứ không nói sau khi đánh xong sẽ hủy hoại tài sản nên Viện kiểm sát không xử lý trách nhiệm với 02 bị cáo Đ, Trung H là phù hợp.

[5.3] Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ:

[7.1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho bị hại P3 và được bị hại P3 đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7.2] Bị cáo Nguyễn Trung H có ông ngoại Ma Hữu C1 là người có công, được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8]. Về nhân thân:

[8.1] Bị cáo Bùi Văn P từng bị Tòa án kết án về tội “Cướp giật tài sản” vào năm 2016 và bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc năm 2018; bị cáo Trần Phát Đ từng bị Tòa án kết án về tội “Cố ý gây thương” vào năm 2012. Mặc dù, các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của các bản án, quyết định của Tòa án và đương nhiên xóa án tích nhưng vẫn bị coi là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8.2] Các bị cáo Huỳnh Ngọc L, Nguyễn Trung H phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt, cách ly các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với các bị cáo Trần Phát Đ, Nguyễn Trung H giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án phạm tội chưa đạt, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quyết định mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc xử lý người phạm tội được quy định tại Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với các bị cáo Bùi Văn P, Huỳnh Ngọc L bị xét xử cùng một lần về 02 tội danh nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Lập luận trên đây cũng là căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát; bác bỏ đề nghị của các luật sư bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo P, L, H và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo P, L; chấp nhận đề nghị của các luật sư bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo L, H, Đ và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo Trung H và Đ.

[9] Về vấn đề dân sự: Bị hại Nguyễn Phương N2, Phan Thị L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.129.083 đồng và bị hại Nguyễn Phương H2 yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường, xét đây là thỏa thuận dân sự tự nguyện, không trái pháp luật giữa các bị cáo và các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc các bị cáo P, L liên đới bồi thường số tiền 5.129.083 đồng cho bị hại N2, L và bị cáo Đ bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho bị hại Phương H2.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với 01 con dao dài khoảng 50 cm, cán bằng gỗ được bọc kim loại màu vàng; 01 con dao dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ màu nâu đỏ; 01 con dao Thái Lan cán bằng nhựa màu vàng dài khoảng 20cm là vật không có giá trị sử dụng xét cần tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với 01 cái tủ khung tủ bằng sắt và nhôm xung quanh có kích thước ngang 2.17m, cao 1.07m, chiều rộng 0.5m, có 04 mặt là kính, cái tủ này có 03 mặt kính bị bể, 02 tấm kính 02 mặt bên của tủ có kích thước 0.3mx2.1m, 01 tấm kính mặt trên của tủ có kích thước 0.5x2.17m, ngoài ra phần nhôm kính

bình thường. Chất liệu kính sử dụng là kính 8mm cường lực trong suốt (bể, hư hỏng, không còn nguyên vẹn); 01 cái cửa nhôm có kích thước cao 3m, ngang 0.9m có gắn tấm kính 0.85mx2m, sử dụng kính 8mm cường lực trong suốt, tuy nhiên cửa nhôm đã bị hư hỏng toàn bộ và bị bể kính. Xét tài sản trên đã bị hư hỏng, không còn giá sử dụng sau thời gian dài bảo quản và tại phiên tòa bị hại Nam, Lan đã từ chối nhận tài sản nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[11] Đối với các vấn đề khác: Đối với Bùi Văn P4 là em ruột của Bùi Văn P không tham gia và không biết P cùng L, Đ, Trung H đi đánh anh Nguyễn Phương H2 nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý tránh nhiệm đối với P4 là phù hợp.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15 và Điều 57; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P: 16 (mười sáu) năm tù về tội “ Giết người” và 01 (một) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh là 17 (mười bảy) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc L: 15 (mười lăm) tù về tội “ Giết người” và 01 (một) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15 và Điều 57; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Phát Đ: 11 (mười một) tù về tội “ Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và Điều 57; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H: 10 (mười) tù về tội “ Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 589; Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo Bùi Văn P, Trần Ngọc L liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Phương N2, Phan Thị L số tiền 5.129.083 (năm triệu một trăm hai mươi

chín ngàn không trăm tám mươi ba) đồng. Phân định bị cáo Bùi Văn P có trách nhiệm bồi thường số tiền 2.629.083 (hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn không trăm tám mươi ba) đồng và bị cáo Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm bồi thường số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Bùi Văn P bồi thường cho bị hại Nguyễn Phương H2 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Bùi Văn P, Trần Ngọc L chưa thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài khoảng 50 cm, cán bằng gỗ được bọc kim loại màu vàng; 01 con dao dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ màu nâu đỏ; 01 con dao Thái Lan cán bằng nhựa màu vàng; 01 cái tủ khung tủ bằng sắt và nhôm xung quanh có kích thước ngang 2.17m, cao 1.07m, chiều rộng 0.5m, có 04 mặt là kính, cái tủ này có 03 mặt kính bị bể, 02 tấm kính 02 mặt bên của tủ có kích thước 0.3mx2.1m, 01 tấm kính mặt trên của tủ có kích thước 0.5x2.17m, ngoài ra phần nhôm kính bình thường. Chất liệu kính sử dụng là kính 8mm cường lực trong suốt (bể, hư hỏng, không còn nguyên vẹn); 01 cái cửa nhôm có kích thước cao 3m, ngang 0.9m có gắn tấm kính 0.85mx2m, sử dụng kính 8mm cường lực trong suốt, tuy nhiên cửa nhôm đã bị hư hỏng toàn bộ và bị bể kính.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số: NK2025/342 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn P phải chịu 2.631.454 (hai triệu sáu trăm ba mươi một ngàn bốn trăm năm mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS TP. HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Cơ quan điều tra; (1)
- Trại tạm giam; (3)
- Bị cáo; (3)
- Đường sự; (2)
- THA HS; (3)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

